

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thung;

2. Ông Nguyễn Văn Thành;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Huỳnh Tố Q, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: * khu phố *, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Lê Xuân T, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại phiên tòa, phía nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Tố Q có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng chị Nguyễn Huỳnh Tố Q trình bày:*

Do mai mối nên anh chị tự nguyện kết hôn, không có tìm hiểu kỹ lưỡng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2016, anh chị về nhà anh T sống, thời gian đầu chung sống bình thường, có lúc vui lúc buồn nhưng buồn nhiều hơn vui, do lúc đầu tìm hiểu chưa kỹ, gia đình mai mối cứ thúc ép, bản thân chị cũng gặp nhiều vấn đề nên chị cứ gật đầu đồng ý cưới anh T, chị cứ nghĩ cưới về tìm hiểu sau cũng được, nhưng khi về sống chung thì giữa anh, chị và gia đình anh phát sinh nhiều vấn đề không giải quyết được, chị sinh con bị trầm cảm nhiều lần phải nhập viện, chị sống bên gia đình được khoảng 4- 5 năm, đến khi sinh con thứ hai xong thì mâu thuẫn lên đỉnh

điểm thì chị dẫn đưa con nhỏ về Đồng Nai nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay hơn một năm, anh chị ly thân từ đó cho đến nay, từ khi chị về Đồng Nai sinh sống là chị không còn tình cảm vợ chồng gì với anh T, anh T có lên thăm con, anh chị không tìm được hướng giải quyết vấn đề, chị xác định nhiều lần với anh T chị không còn tình cảm với anh T nữa, dù Tòa án không cho chị ly hôn thì chị cũng không trở về chung sống với anh T, tóm lại chị nhận thấy hôn nhân của chị không đạt được mục đích nên chị xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh và chị có 02 con chung tên Lê Nguyễn Vân A, sinh ngày 03/01/2018, Lê Nguyễn Vân N, sinh ngày 30/7/2020 hiện cháu A đang sống chung với anh T, cháu N đang sống chung với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vân N, giao anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vân A. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng, cũng như không cấp dưỡng nuôi cháu Vân A, chị vẫn sẽ tự lo cho các cháu được, không cần Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Ngoài ra, chị không trình bày gì khác.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Xuân T có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng anh Lê Xuân T trình bày:*

Thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, tổ chức lễ cưới thống nhất như chị Q trình bày, quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn, còn việc chị Q bỏ nhà đi hơn một năm nay lý do chị Q tự buồn bực nên tự kêu ba mẹ ruột của chị Q xuống rước về, anh có lên rước về nhưng chị Q không về, anh có hỏi lý do mà chị Q không nói. Trường hợp Tòa cho anh ly hôn thì vấn đề nuôi con, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung thống nhất theo lời trình bày của chị Q.

Ngoài ra anh không trình bày gì khác.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh Tố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Q về việc xin ly hôn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T cưới nhau vào năm 2016. Đến ngày 10/8/2016 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Q cho rằng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và đến năm 2020 chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa anh chị vẫn bình thường, không thấy có xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, thấy chị Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, chị cương quyết xin ly hôn, cho dù Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị thì chị cũng không trở về chung sống với anh T nữa, mặc khác trong thời gian dài anh chị ly thân cả hai cũng không tìm được tiếng nói chung, hàn gắn lại được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Vân A, sinh ngày 03/01/2018, Lê Nguyễn Vân N, sinh ngày 30/7/2020, hiện nay cháu Vân A đang sống chung với anh T, cháu Vân N đang sống chung với chị Q. Hội đồng xét xử xét thấy: nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu và để không xáo trộn cuộc sống của các cháu, đồng thời đây cũng là sự thống nhất về việc nuôi dạy con chung giữa chị Q và anh T khi Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q thì cần thiết giao cháu Lê Nguyễn Vân A, sinh ngày 03/01/2018 cho anh T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nguyễn Vân N, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh T chưa yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Về nợ chung: Anh chị tự xác định không có.

[3] Về án phí: Chị Q yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Huỳnh Tố Q.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huỳnh Tố Q được ly hôn với anh Lê Xuân T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Huỳnh Tố Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Lê Nguyễn Văn N, sinh ngày 30/7/2020. Anh Lê Xuân T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Lê Nguyễn Văn A, sinh ngày 03/01/2018.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Văn N sau khi ly hôn. Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Văn A sau khi ly hôn. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản chị Q thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh Tố Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026867 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Q đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh